

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 01 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nguyệt
2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 1041/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐ-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị C, sinh năm 1985; thường trú: khu phố K, phường H1, thị xã T, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trầm Quốc C1, sinh năm 1990; thường trú: khu phố B, phường L, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2022 và bản tự khai ngày 26/10/2022, nguyên đơn bà Văn Thị C trình bày:

Bà Văn Thị C và ông Trầm Quốc C1 tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 26/02/2015.

Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng từ năm 2020 thì mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình hai bên không hợp nhau, không cùng suy nghĩ, không đồng quan điểm sống. Mặc dù đã cố gắng nhiều cách nhưng mâu

thuần vẫn dai dẳng, cuộc sống ngọt nhạt, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc nên bà C và ông C1 đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay, giữa bà C và ông C1 không qua lại với nhau, không ai quan tâm đến ai, ông C1 có biết việc bà C làm đơn gửi đến Tòa án yêu cầu ly hôn nhưng ông C1 nói bà C tự làm thủ tục, ông C1 đồng ý ly hôn nhưng sẽ không lên Tòa án theo yêu cầu. Hiện nay bà C xác định không còn tình cảm với ông C1, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà C ly hôn với ông Trần Quốc C1.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông Trần Quốc C1 có 01 người con tên Trần K2, sinh ngày 10/8/2016. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Về cấp dưỡng nuôi con: bà C không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản chứng thực Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Trích lục khai sinh và các tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ vụ án.

Bị đơn ông Trần Quốc C1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn không đến làm việc cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà Văn Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn ông Trần Quốc C1 cũng như yêu cầu về con chung, cấp dưỡng nuôi con; bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật do đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông C1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Văn Thị C và ông Trần Quốc C1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường H1, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 26/02/2015. Nay bà Văn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Quốc C1 đồng thời giải quyết về vấn đề con chung. Do đó,

quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Trần Quốc C1 hiện cư trú tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Quốc C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị C và ông Trần Quốc C1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Văn Thị C cho rằng từ năm 2020, bà C và ông C1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về suy nghĩ và quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2021 thì bà C và ông C1 sống ly thân, từ đó đến nay hai bên không còn quan hệ tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bên cạnh đó, từ khi bà C nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thành phố Thuận An cho đến nay, ông C1 có biết việc bà C muốn ly hôn nhưng không có động thái gì nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ông C1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai, hòa giải, tham gia phiên tòa để nhằm mục đích đoàn tụ nhưng vẫn không đến Tòa, thể hiện ý chí ông C1 không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông C1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu được ly hôn với ông C1.

[2.3] Về con chung: bà C có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Các cháu Trâm K2, sinh ngày 10/8/2016 sống với bà C từ khi mới sinh ra cho đến hiện tại, theo trình bày của nguyên đơn, quá trình nguyên đơn và bị đơn sống ly thân, bị đơn không quan tâm đến con cái, một mình bà C tự lo chi phí nuôi con. Xét, hiện tại bà C có công việc ổn định, đủ điều kiện để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần cho con chung nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giao con chung cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn để đảm bảo ổn định sinh hoạt cho con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà C không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà C, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị C đối với bị đơn ông Trầm Quốc C1 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị C được ly hôn với ông Trầm Quốc C1.

- Về con chung: Bà Văn Thị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trầm K2, sinh ngày 10/8/2016.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Văn Thị C về việc không yêu cầu ông Trầm Quốc C1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Văn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0000530 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Thuận An;
- Chi cục THADS TP. Thuận An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng Tư pháp tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Tố Uyên